

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 236/2005/QĐ-TTg ngày 26/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển Bưu chính Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 633/TTr-STTTT ngày 14/8/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020.

2. Các chỉ tiêu phát triển đến năm 2020:

2.1. Bưu chính:

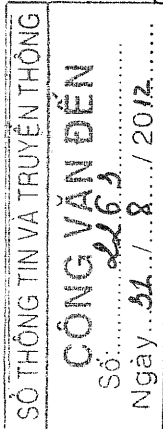
- 100% hệ thống các điểm bưu điện văn hóa xã cung cấp dịch vụ Internet bằng rộng.

- Doanh thu dịch vụ bưu chính, chuyên phát tăng bình quân 25%/năm giai đoạn 2010 - 2015 và 22%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- 100% nhu cầu về dịch vụ bưu chính của người dân được đáp ứng.

- 100% các điểm Bưu điện văn hóa xã là các điểm đa dịch vụ về bưu chính.

2.2. Viễn thông:



- Năm 2013, mạng thông tin di động 3G phủ sóng tới 100% khu dân cư; cáp quang đến 100% các xã, phường, thị trấn.

- Năm 2015, tỷ lệ dân số sử dụng dịch vụ thông tin di động đạt 83%; tỷ lệ dân số sử dụng Internet đạt 55%; ngầm hóa 35-45% hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh.

- Năm 2020, 80% dân số sử dụng Internet; 85% dân số sử dụng điện thoại di động; ngầm hóa 60 – 70% hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn toàn tỉnh (tính đến hệ thống tủ cáp và thuê bao).

2.3. Công nghệ thông tin:

STT	Chỉ tiêu		2015	2020
Ứng dụng Công nghệ thông tin				
1	Tỉ lệ văn bản điều hành tác nghiệp được lưu thông trên môi trường mạng	Sở/ngành, huyện/thành phố	100%	100%
		Cấp xã/phường	30%	80%
2	Tỷ lệ cán bộ sử dụng hòm thư điện tử trong công việc	Sở/ngành, huyện/thành phố	100%	100%
		Xã, phường	60%	100%
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu	Sở/ngành, huyện/thành phố	12	30
4	Xây dựng các hệ thống thông tin tạo môi trường làm việc rộng khắp giữa các cơ quan Nhà nước	Sở/ngành, huyện/thành phố	100%	100%
5	Tỷ lệ cơ quan Nhà nước có cổng thông tin điện tử cung cấp tất cả dịch vụ công mức 2 và hầu hết các dịch vụ công tối thiểu mức 3 tới người dân và doanh nghiệp	Sở/ngành, huyện/thành phố	100%	100%
6	Tỷ lệ các dịch vụ công ở các mức được xây dựng và nâng cấp	Mức độ 1	100%	100%
		Mức độ 2	100%	100%
		Mức độ 3	15%	40%
Phát triển cơ sở hạ tầng thông tin				
1	Tỷ lệ các cơ quan đơn vị Nhà nước hoàn thiện hạ tầng, hệ thống ứng dụng quản lý tác nghiệp, cổng thông tin điện tử	Sở/ngành, huyện/thành phố	100%	100%
		Cấp xã/phường	50%	100%
2	Triển khai mạng chuyên dụng kết nối các cơ quan các cấp	Sở/ngành, huyện/thành phố	100%	100%
		Cấp xã phường	30%	100%
3	Tỷ lệ trường học hoàn thiện hạ tầng, hệ thống ứng dụng quản lý giảng dạy, trang thông tin điện tử.	Trung học phổ thông	100%	100%
		Trung học cơ sở	100%	100%
		Tiểu học	90%	100%
4	Tỷ lệ bệnh viện hoàn thiện hạ tầng, hệ thống ứng dụng quản lý điều trị, cổng thông tin điện tử	Các bệnh viện	100%	100%
		Các cơ sở y tế khác	80%	100%
Nguồn nhân lực				

STT	Chỉ tiêu		2015	2020
1	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin	Sở/ngành, huyện/thành phố	100%	100%
2	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị có cán bộ lãnh đạo công nghệ thông tin (CIO)	Sở/ngành, huyện/thành phố	100%	100%
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức biết sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ	Sở/ngành, huyện/thành phố	100%	100%

3. Nội dung quy hoạch:

3.1. Bưu chính:

3.1.1. Mạng Bưu chính:

a) Mạng bưu cục, điểm phục vụ:

Mạng lưới bưu cục vẫn được tổ chức theo 3 cấp như hiện nay, gồm bưu cục cấp I, cấp II và cấp III. Giữ nguyên số lượng bưu cục, cụ thể là 34 bưu cục các cấp phân bố tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh. Các bưu cục được nâng cấp đầu tư các thiết bị hiện đại, lắp đặt các dây chuyền chia chọn tự động, mở rộng phạm vi kinh doanh, kết nối mạng tin học bưu chính các điểm phục vụ.

b) Cung cấp dịch vụ tại hệ thống điểm Bưu điện văn hóa xã:

Đa dạng hóa loại hình cung cấp dịch vụ tại các điểm Bưu điện văn hóa xã.

3.1.2. Mạng vận chuyển bưu chính, chuyển phát:

a) Mạng vận chuyển bưu chính:

Quy hoạch tăng tần suất các tuyến đường thư đến các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế lên 2-3 chuyến/ngày. Đồng thời, tăng phương tiện vận chuyển cho các tuyến đường thư này, nhằm nâng cao tính chủ động, tạo điều kiện rút ngắn thời gian chuyển phát thư tới các huyện.

b) Mạng chuyển phát:

Khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ chuyển phát thư, đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng và quyền lợi người sử dụng dịch vụ.

3.1.3. Dịch vụ bưu chính:

Phát triển dịch vụ theo hướng đa dạng hóa, cung cấp tất cả các dịch vụ bưu chính đến các điểm phục vụ, chú trọng tới phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ tài chính và các dịch vụ ứng dụng trên nền công nghệ thông tin.

3.2. Viễn thông:

3.2.1. Mạng chuyển mạch:

- Đối với các doanh nghiệp mới tham gia thị trường, thực hiện triển khai xây dựng ngay hạ tầng mạng theo công nghệ NGN.

- Đối với các doanh nghiệp hiện đang cung cấp dịch vụ trên địa bàn triển khai từng bước thay thế dần các thiết bị truy nhập hiện tại bằng các thiết bị truy nhập

mạng NGN. Mạng NGN sẽ được triển khai song song với mạng chuyển mạch kênh hiện có. Đến thời điểm thích hợp sẽ loại bỏ hoàn toàn mạng chuyển mạch kênh.

3.2.2. Mạng truyền dẫn:

Phát triển tuyến truyền dẫn mới tới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, các tuyến đường mới, tuyến đường trục, khu vực ven biển,... phục vụ cho các nút chuyển mạch đa dịch vụ mới lắp đặt, các nhu cầu về giải trí, thương mại, du lịch và đảm bảo an toàn thông tin khi thiên tai xảy ra.

3.2.3. Mạng ngoại vi:

- Thực hiện ngầm hoá đến khu vực dân cư, cụm dân cư, khu công nghiệp. Phát triển theo hướng nâng cao chất lượng và hiện đại hóa hạ tầng mạng ngoại vi. Tiến độ xây dựng tuyến công bề, ngầm hóa mạng ngoại vi đồng bộ với xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị.

- Đẩy nhanh quá trình ngầm hóa cáp treo hiện có, rút ngắn khoảng cách cáp phục vụ (cáp chính và dây cáp), phát triển mạng ngoại vi theo hướng cáp quang hóa, đảm bảo đáp ứng mọi nhu cầu về sử dụng dịch vụ băng rộng của người dân.

- Bắt buộc phải sử dụng chung cơ sở hạ tầng khi có nhiều doanh nghiệp cùng có nhu cầu xây dựng tuyến cáp ngoại vi.

3.2.4. Mạng thông tin di động:

Phát triển mạng thông tin di động theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp (nhà trạm, trụ anten, mạng truyền dẫn...), đảm bảo tiết kiệm, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư và đảm bảo mỹ quan đô thị.

3.2.5. Mạng Internet:

Lắp đặt bổ sung thiết bị truy nhập DSLAM, triển khai cung cấp dịch vụ Internet băng rộng, tốc độ cao bằng cáp quang tới các trường học, khu vực nông thôn để hỗ trợ phát triển giáo dục, đảm bảo nhu cầu phát triển thuê bao và cung cấp dịch vụ Internet băng rộng tới mọi người dân trên địa bàn toàn tỉnh, phục vụ phát triển kinh tế nông thôn và nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới.

3.2.6. Mạng vô tuyến băng rộng:

Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, chất lượng cuộc sống người dân, hỗ trợ phát triển du lịch, giáo dục, y tế...

3.2.7. Dịch vụ viễn thông:

Mở rộng các dịch vụ được triển khai trên mạng cố định, di động và Internet như: tư vấn, tra cứu, giải đáp thông tin; thương mại điện tử; giải trí,...

3.3. Công nghệ thông tin:

3.3.1. Nâng cấp và xây dựng mới các mạng LAN, máy tính của các sở, ban ngành, huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn:

Đảm bảo hầu hết cán bộ công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã/phường/ của tỉnh có máy tính và thường xuyên sử dụng trong công việc.

3.3.2. Quy hoạch xây dựng mạng chuyên dụng của tỉnh Sóc Trăng:

Mạng chuyên dụng là hạ tầng cơ sở cho việc triển khai các hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp liên thông hệ thống thư điện tử, quản lý tài chính quản lý cán bộ trong các đơn vị cơ quan Đảng và Nhà nước.

3.3.3. Nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh:

Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh với các hệ thống máy chủ ứng dụng (application server), hệ thống máy chủ quản lý thư tín điện tử (mail server), hệ thống máy chủ chứa dữ liệu (database server), hệ thống mạng LAN, WAN và hệ thống an ninh thông tin.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và theo dõi thực hiện Quy hoạch. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế và sự phát triển bưu chính, viễn thông trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp.

- Báo cáo và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các kế hoạch, giải pháp cụ thể, chi tiết thực hiện quy hoạch.

- Định hướng các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông triển khai thực hiện quy hoạch, trường hợp cần thiết báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản tăng cường công tác quản lý nhà nước, kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Căn cứ vào quy hoạch đã được phê duyệt, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính,... tính toán, cân đối, huy động các nguồn lực, kinh phí để xây dựng các kế hoạch ngắn và dài hạn thực hiện các dự án, đề án, chương trình sử dụng ngân sách tỉnh. Trong khi triển khai, nếu có phát sinh cần tính toán điều chỉnh và thông báo kịp thời cho các bên có liên quan.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí nguồn vốn thực hiện các dự án, đề án, chương trình thuộc ngân sách tỉnh.

4. Sở Giao thông vận tải:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông xây dựng các chương trình, đề án, quy định ngầm hóa mạng ngoại vi phù hợp với quy hoạch của từng thời kỳ.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các dịch vụ ứng dụng khoa học công nghệ, thông qua mạng lưới điểm phục vụ bưu chính dưới các hình thức tài liệu, thông tin dữ liệu, hệ thống tra cứu thông tin phục vụ phát triển kinh tế

- xã hội; tham gia thực hiện các dự án bưu chính, viễn thông liên quan đến khoa học và công nghệ.

6. Công an tỉnh:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đảm bảo an toàn, an ninh mạng lưới bưu chính, viễn thông.

7. Sở Xây dựng:

Chủ trì, phối hợp với sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xây dựng quy định và hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp trong vấn đề quy hoạch, xây dựng mạng lưới các công trình bưu chính, viễn thông phù hợp với quy hoạch kiến trúc đô thị của tỉnh.

8. Các sở, ban ngành khác:

Các sở, ban ngành có liên quan phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Phối hợp với các cơ quan liên quan, hỗ trợ các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông triển khai thực hiện quy hoạch trên địa bàn do địa phương quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Báo ST;
- Đài PTTH;
- Lưu: VX, TH, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quách Việt Tùng